

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2020

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Hiền

2. Ông Nguyễn Bá Thịnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P: Ông Mai Văn Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 302/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2020 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXX-ST ngày 27/7/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST – DS ngày 13/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Số 2362A khu phố 1, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trương Thị Hồng L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 13, thôn T, xã H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T xây dựng gia đình với bà Trương Thị Hồng L vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 22/11/1999.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì bà L tự động dẫn theo các con bỏ đi, không cho ông T biết lý do, thời điểm đó ông đi nuôi tôm thuê tại Long Hương, vài tháng mới được về nhà một lần nên khi bà L bỏ đi ông không biết, khi về nghe hàng xóm nói lại. Từ đó đến nay ông liên tục tìm kiếm vợ con về nhưng không có kết quả, nhiều lần lên nhà bố mẹ ruột của bà L để dò hỏi thông tin nhưng họ đều nói không biết bà L đi đâu. Đến thời gian gần đây ông mới được bố của bà L cho biết là bà L đã đi lấy chồng còn các con đang sống cùng ông ngoại. Ông T xác định ông và bà L nhiều năm không chung sống nên ông cũng không còn tình cảm với bà L do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông T và bà L có 02 con chung là Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 09/4/2000 và Nguyễn Dũng Ch, sinh ngày 09/12/2002. Cháu Nhân đã trưởng thành ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Ch ông có nguyện vọng giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn bà Trương Thị Hồng L theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên bà L không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn, đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Trương Thị Hồng L.

Về án phí: Bà L đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Tranh chấp ly hôn và nuôi con; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P.

Ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật. Bà Trương Thị Hồng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà L theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định: Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Hồng L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/1999 tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông T, bà L: Ông T xác định vào năm 2010 bà L tự động dẫn theo các con bỏ nhà đi, từ đó đến nay không liên hệ về với gia đình nên hiện nay ông không còn tình cảm với bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L đã được triệu tập để tham gia phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng bà L vắng mặt không có lý do và cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông T đối với bà L.

Về con chung: Ông T và bà L có 02 con chung là Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 09/4/2000 và Nguyễn Dũng Ch, sinh ngày 09/12/2002.

Cháu Nh đã trưởng thành ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Ch, ông T có nguyện vọng giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bản thân cháu Ch cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó xét về nguyện vọng của ông T và cháu Ch thì cần thiết giao cháu Ch cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3] *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Trương Thị Hồng L về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Trương Thị Hồng L.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Văn T giao cháu Nguyễn Dũng Ch, sinh ngày 09/12/2002 cho bà Trương Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005463 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND P. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thu Hiền